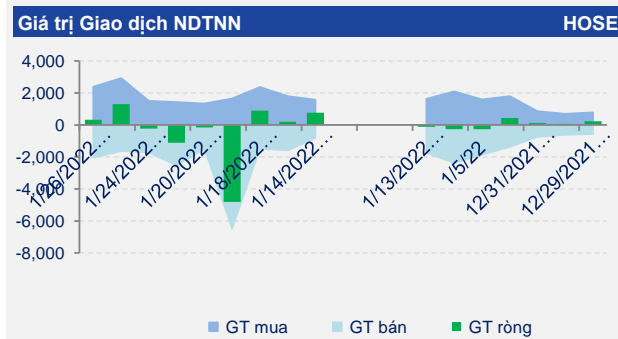
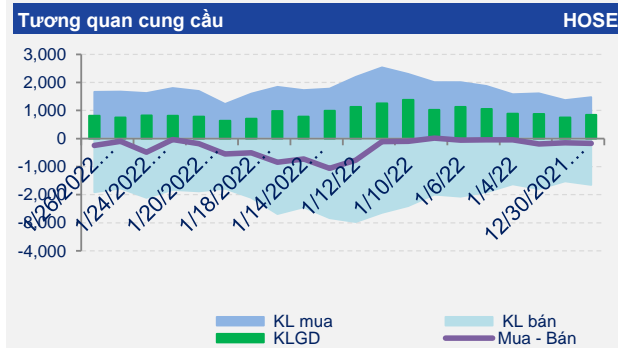


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 1/26/2022 12:00:00 AM

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,481.58	411.82
% Thay đổi	↑ 0.14%	↑ 0.39%
KLGD (CP)	813,176,232	60,534,280
GTGD (tỷ đồng)	23,502.20	1,726.97
Tổng cung (CP)	1,911,283,900	84,350,300
Tổng cầu (CP)	1,665,771,800	74,878,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	46,834,700	88,866
KL mua (CP)	59,915,800	565,400
GT mua (tỷ đồng)	2,379.06	15.87
GT bán (tỷ đồng)	2,060.53	2.43
GT ròng (tỷ đồng)	318.53	13.43



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.98%	21.7	3.4	0.8%
Công nghiệp	↓ -1.08%	23.5	3.2	13.6%
Dầu khí	↑ 3.10%	20.1	2.1	2.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.02%	-	9.9	2.5%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.20%	15.6	2.4	0.5%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.94%	21.8	3.9	8.4%
Ngân hàng	↑ 0.61%	13.2	2.3	35.1%
Nguyên vật liệu	↓ -0.57%	9.8	2.3	8.3%
Tài chính	↑ 0.14%	21.2	3.2	25.8%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 1.34%	16.2	2.8	1.9%
VN - Index	↑ 0.14%	17.4	3.1	
HNX - Index	↑ 0.39%	23.0	4.1	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản ở dưới mức trung bình. Cụ thể, VN-Index tăng 2,00 điểm (+0,14%) lên 1.481,58 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 225 mã tăng, 37 mã tham chiếu, 239 mã giảm. HNX-Index tăng 1,59 điểm (+0,39%) lên 411,82 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tiêu cực với 88 mã tăng, 49 mã tham chiếu, 137 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn tăng nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 873 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 25.229 tỷ đồng. VnIndex tăng điểm trong hầu hết thời gian giao dịch. Mặc dù đã có lúc áp lực bán lớn khiến chỉ số chuyển sang sắc đỏ, nhóm cổ phiếu ngân hàng vẫn có diễn biến tích cực và là động lực chính duy trì sắc xanh cho VN-Index, cụ thể TCB (+1,0%), VPB (+2,9%), MBB (+2,1%), CTG (+1,8%), ACB (+1,7%), HDB (+2,2%), STB (+2,4%), SHB (+3,7%), LPB (+7,0%), VIB (+2,8%). Ở chiều ngược lại, một số cổ phiếu lớn bị bán và kết phiên trong sắc đỏ đã khiến mức tăng của thị trường bị thu hẹp, có thể kể đến MSN (-3,9%), VCB (-1,4%), BID (-1,8%), PDR (-3,6%), GVR (-0,8%),... Ngoài ra, các nhóm cổ phiếu khác đều có sự phân hóa và có diễn biến tiêu cực trong phiên giao dịch hôm nay như như chứng khoán, bất động sản, xây dựng hạ tầng, cổ phiếu đầu cơ có thanh khoản lớn.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

VN-Index tiếp tục tăng điểm với ảnh hưởng tích cực của VN30. Kết phiên ở mức 1.481,58 điểm tăng 0,18%, khối lượng giao dịch tăng so với phiên trước, thể hiện áp lực bán vẫn xuất hiện ở rất nhiều mã ở vùng kháng cự quanh mốc 1.490 điểm. VN30 duy trì tăng điểm với ảnh hưởng tích cực luân phiên của nhóm ngân hàng. Khối lượng giao dịch VN30 tăng trên mức trung bình cho thấy hoạt động giao dịch ngắn hạn đang sôi động trở lại đối với nhóm cổ phiếu bluechips, VN30.

Thanh khoản đã gia tăng trở lại cho thấy nhà đầu tư đang kỳ vọng vào sự tích cực của thị trường sau kỳ nghỉ Tết như mọi năm (ngoại trừ năm 2020 thị trường giảm do Covid-19). Do đó, thời điểm trước Tết, những phiên giảm điểm sâu sẽ là cơ hội cho các nhà đầu tư tích lũy thêm cổ phiếu để đón sóng tăng đầu năm mới. Tuy nhiên, đà tăng đã chậm lại và với nhiều mã chịu áp lực bán VN-Index hiện đã nằm trong vùng kháng cự 1.485-1.490 điểm (MA20) nên sự giằng co và rung lắc có thể tiếp tục diễn ra. Nhà đầu tư đã tham gia bắt đáy trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 có thể tiếp tục nắm giữ danh mục và mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1.400-1.450 điểm trong phiên tiếp theo.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 26/2022 12:00:00 /

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.490,45 điểm. Vào cuối phiên chiều, có lúc áp lực bán gia tăng khiến chỉ số lùi xuống gần ngưỡng tham chiếu. Kết phiên, VN-Index tăng 2,00 điểm (+0,14%) lên 1.481,58 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GAS tăng 2.700 đồng, VPB tăng 1.000 đồng, PLX tăng 2.600 đồng. Ở chiều ngược lại, MSN giảm 6.000 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian giao dịch nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 417,34 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 1,59 điểm (+0,39%) lên 411,82 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD tăng 2.700 đồng, CEO tăng 5.800 đồng, BAB tăng 600 đồng. Ở chiều ngược lại, NVB giảm 1.900 đồng..

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

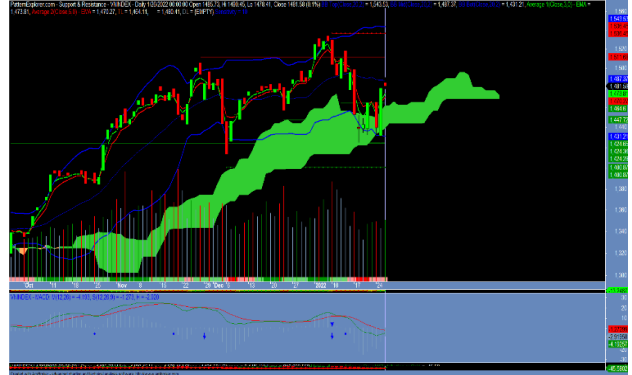
Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 319,6 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 10,8 triệu cổ phiếu. CTG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 211,3 tỷ đồng tương ứng với 5,6 triệu cổ phiếu, tiếp theo là KBC với 137,7 tỷ đồng tương ứng với 2,4 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, MSN là mã chứng khoán được bị bán nhiều nhất với 122,5 tỷ đồng tương ứng với 814 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 13,4 tỷ đồng, tương ứng với khối lượng ròng 476 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 5,5 tỷ đồng tương ứng với 190 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVI với 5,1 tỷ đồng tương ứng với 109 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 285 triệu đồng tương ứng với 4,2 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index đã chịu áp lực bán, rung lắc mạnh khi gặp kháng cự 1485-1490, với nhiều mã midcap, bất động sản, đầu tư công tiếp tục chịu áp lực bán rất mạnh. Thanh khoản gia tăng đến từ áp lực bán tiêu cực của nhiều mã và gia tăng tích cực đối với VN30. Ngắn hạn VNINDEX có hỗ trợ có vùng hỗ trợ 1475+- và kháng cự 1485-1490.

Góc nhìn kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi. VNINDEX hiện tại đang trong vùng kháng cự hiện tại trong khoảng 1.475-1.490 điểm (MA50-20). Đây là vùng kháng cự tương đối mạnh của chỉ số, nhưng nếu vượt qua được vùng này thì VN-Index có khả năng sẽ tiến tới thử thách ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 27/1, chỉ số VN-Index có thể sẽ giảm co và rung lắc với biên độ trong khoảng 1.475-1.490 điểm. Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán xuất hiện trở lại thì chỉ số VN-Index có thể lùi về test vùng hỗ trợ 1.400-1.450 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước không đổi

Tại thời điểm 15h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 61,85 - 62,45 triệu đồng/lượng, không đổi ở cả chiều mua vào và chiều bán ra so với ngày hôm qua.

Tỷ giá trung tâm giảm 8 đồng

Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 26/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.076 VND/USD, giảm 8 đồng so với ngày 25/01.

TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới giảm

Tại thời điểm 15 giờ, giá vàng thế giới giảm 5,71 USD/ounce tương ứng với 0,31% xuống 1.844,12 USD/ounce.

Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng

Tính tới 15 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,074 điểm tương ứng 0,08% lên 96,022 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1290 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3504 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 113,98 JPY.

Giá dầu thế giới tăng

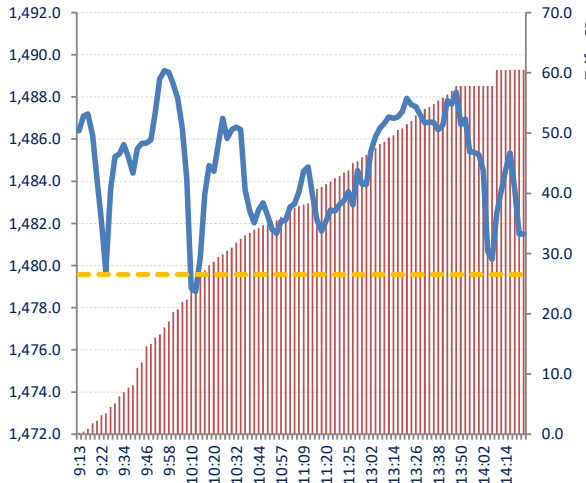
Tại thời điểm 15 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 2,29 USD/thùng tương ứng với 2,68% lên 85,60 USD/thùng.

Chứng khoán Mỹ giảm điểm

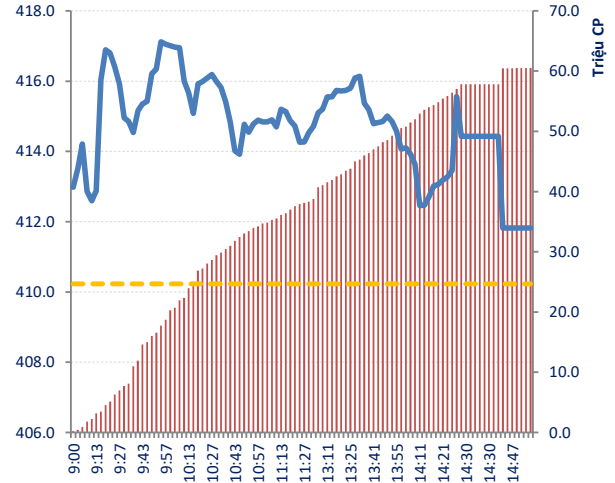
Kết thúc phiên giao dịch ngày thứ Ba, chỉ số Dow Jones giảm 67,77 điểm (tương đương 0,2%) xuống 34.297,73 điểm. Chỉ số S&P 500 giảm 1,2% còn 4.356,45 điểm. Chỉ số Nasdaq Composite giảm 2,3% xuống 13.539,30 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

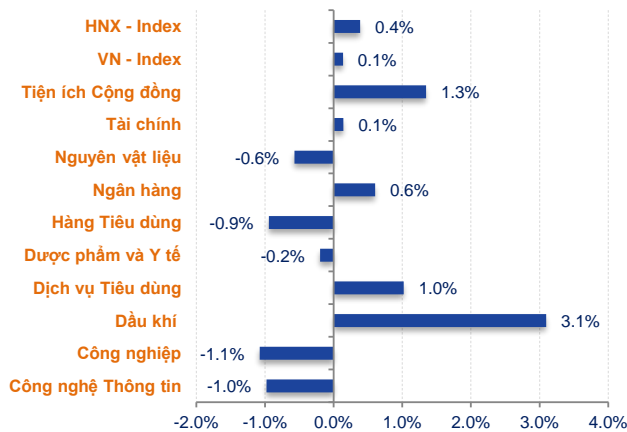
KLGD và VN-Index trong phiên



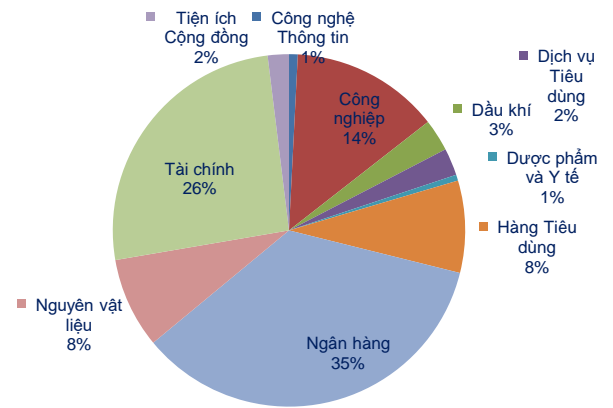
KLGD và HNX-Index trong phiên



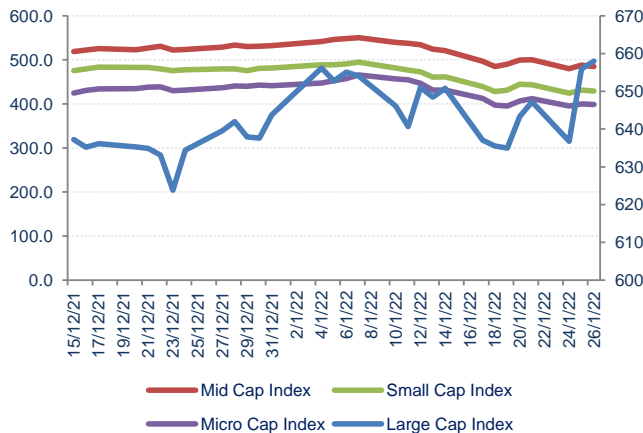
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



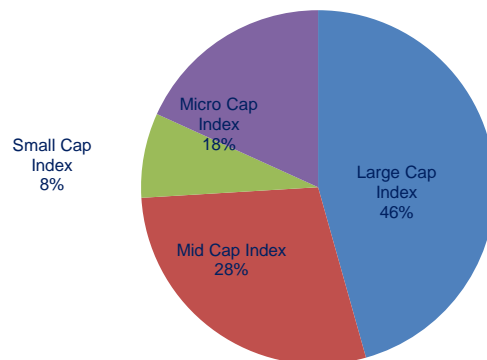
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	5,599,000	E1VFN30	1,640,200
2	LPB	4,853,600	HQC	1,253,900
3	KBC	2,440,700	PLX	1,189,700
4	DXG	2,030,900	MSN	814,400
5	ROS	1,712,400	POW	774,200

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	190,200	KLF	20,700
2	PVI	109,200	CDN	7,500
3	LAS	55,700	INN	6,000
4	PPS	50,600	CEO	4,200
5	APS	34,900	SHS	4,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
STB	34.70	35.55	↑	2.45%	48,930,400
FLC	11.20	10.75	↓	-4.02%	45,267,900
ROS	7.84	7.30	↓	-6.89%	40,488,700
LPB	23.00	24.60	↑	6.96%	34,484,500
HAG	11.85	12.65	↑	6.75%	31,958,300

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
KLF	5.40	5.50	↑	1.85%	6,237,304
CEO	62.70	68.50	↑	9.25%	5,969,069
PVS	28.60	28.40	↓	-0.70%	5,899,082
HUT	20.70	21.20	↑	2.42%	5,251,052
TTL	14.80	14.00	↓	-5.41%	4,663,963

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TGG	13.65	14.60	0.95	↑ 6.96%
LPB	23.00	24.60	1.60	↑ 6.96%
DGW	95.00	101.60	6.60	↑ 6.95%
NHA	62.30	66.60	4.30	↑ 6.90%
MCP	27.80	29.70	1.90	↑ 6.83%

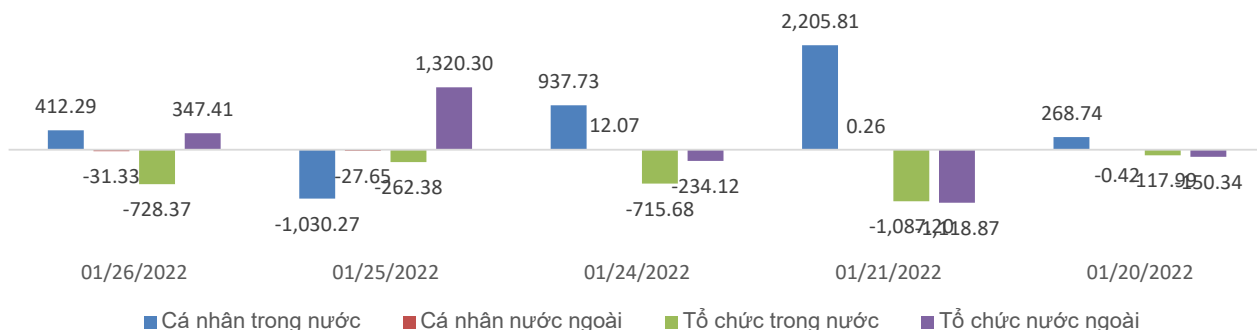
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SAF	55.00	60.50	5.50	↑ 10.00%
SIC	18.00	19.80	1.80	↑ 10.00%
VNT	71.10	78.20	7.10	↑ 9.99%
RCL	21.10	23.20	2.10	↑ 9.95%
VLA	81.00	89.00	8.00	↑ 9.88%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NBB	34.30	31.90	-2.40	↓ -7.00%
KSB	40.75	37.90	-2.85	↓ -6.99%
JVC	8.45	7.86	-0.59	↓ -6.98%
HID	9.30	8.65	-0.65	↓ -6.99%
HAR	8.90	8.28	-0.62	↓ -6.97%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SDG	28.80	26.00	-2.80	↓ -9.72%
VIT	23.90	21.60	-2.30	↓ -9.62%
CSC	111.00	100.50	-10.50	↓ -9.46%
PPE	11.70	10.60	-1.10	↓ -9.40%
PVL	11.80	10.70	-1.10	↓ -9.32%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	125.00	8.4%	2,032	75.3	5.6
FLC	116.61	13.1%	1,967	5.7	0.8
VPB	92.28	21.2%	2,772	12.6	1.4
PLX	75.87	12.0%	2,555	21.3	2.6
VIC	72.43	2.9%	1,111	86.4	2.3

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-178.12	18.1%	3,439	10.8	1.9
LPB	-139.39	18.5%	2,387	9.6	1.7
KBC	-90.27	6.0%	1,493	37.0	2.1
DXG	-68.14	7.5%	1,406	23.0	1.5
GEX	-65.79	8.6%	1,754	20.6	1.4

Top Mua ròng Cá nhân Nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
ROS	11.64	3.1%	324	24.2	0.7
VRE	5.66	7.2%	954	34.8	2.5
STB	2.13	11.1%	1,864	18.6	2.0
SSI	1.41	13.0%	1,401	30.6	3.1
PVD	1.15	0.2%	69	480.1	1.0

Top Bán ròng Cá nhân Nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
E1VFN30	-12.97	N/A	N/A	N/A	N/A
VHM	-9.60	38.3%	8,968	9.0	3.0
HVN	-7.05	-832.8%	(7,832)	-	35.0
KBC	-6.81	6.0%	1,493	37.0	2.1
FLC	-5.05	13.1%	1,967	5.7	0.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PHR	32.69	16.9%	3,985	19.9	3.3
E1VFN30	31.17	N/A	N/A	N/A	N/A
FDC	27.00	2.6%	403	40.0	1.0
NLG	22.40	10.5%	3,155	16.5	1.5
LPB	20.52	18.5%	2,387	9.6	1.7

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	-115.56	13.1%	1,967	5.7	0.8
VPB	-92.28	21.2%	2,772	12.6	1.4
STB	-70.29	11.1%	1,864	18.6	2.0
TCB	-63.94	21.5%	5,144	10.1	2.1
ROS	-61.22	3.1%	324	24.2	0.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	211.24	18.1%	3,439	10.8	1.9
KBC	142.17	6.0%	1,493	37.0	2.1
LPB	119.62	18.5%	2,387	9.6	1.7
VHM	105.00	38.3%	8,968	9.0	3.0
DXG	67.25	7.5%	1,406	23.0	1.5

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-132.00	8.4%	2,032	75.3	5.6
PLX	-65.71	12.0%	2,555	21.3	2.6
NVL	-57.60	7.9%	1,577	50.1	2.9
PNJ	-42.59	18.3%	4,543	21.4	3.7
VCB	-37.19	20.4%	4,464	21.5	3.2



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	48,930,400	11.1%	1,864	18.6	2.0
FLC	45,267,900	3250.0%	1,967	5.7	0.8
ROS	40,488,700	3.1%	324	24.2	0.7
LPB	34,484,500	18.5%	2,387	9.6	1.7
HAG	31,958,300	-18.4%	(1,220)	-	2.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	6,237,304	0.4%	40	133.7	0.5
CEO	5,969,069	-4.7%	(606)	-	5.0
PVS	5,899,082	4.6%	1,238	23.1	1.0
HUT	5,251,052	1.9%	240	86.2	1.9
TTL	4,663,963	2.3%	324	45.6	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TGG	↑ 7.0%	27.9%	3,363	4.1	0.9
LPB	↑ 7.0%	18.5%	2,387	9.6	1.7
DGW	↑ 6.9%	44.7%	7,476	12.7	4.7
NHA	↑ 6.9%	0.8%	85	735.4	6.2
MCP	↑ 6.8%	10.8%	1,569	17.7	1.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SAF	↑ 10.0%	31.2%	4,914	11.2	3.4
SIC	↑ 10.0%	3.9%	519	34.7	1.3
VNT	↑ 10.0%	-16.6%	(2,477)	-	5.0
RCL	↑ 10.0%	6.0%	1,354	15.6	1.0
VLA	↑ 9.9%	-12.9%	(1,593)	-	6.9

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	5,599,000	18.1%	3,439	10.8	1.9
LPB	4,853,600	18.5%	2,387	9.6	1.7
KBC	2,440,700	6.0%	1,493	37.0	2.1
DXG	2,030,900	7.5%	1,406	23.0	1.5
ROS	1,712,400	3.1%	324	24.2	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	190,200	4.6%	1,238	23.1	1.0
PVI	109,200	11.2%	3,722	12.3	1.5
LAS	55,700	5.2%	593	24.3	1.2
PPS	50,600	10.6%	1,306	10.0	1.1
APS	34,900	15.2%	939	28.9	2.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	453,375	20.4%	4,464	21.5	3.2
VIC	365,301	2.9%	1,111	86.4	2.3
VHM	352,704	38.3%	8,968	9.0	3.0
BID	247,868	12.0%	1,975	24.8	2.3
GAS	209,578	17.1%	4,531	24.2	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	59,255	25.2%	4,694	36.1	10.2
KSF	30,450	8.8%	744	136.5	5.1
IDC	18,420	11.8%	1,805	34.0	3.9
NVB	17,762	0.0%	3	9,345.3	3.0
VCS	16,960	41.5%	11,163	9.5	3.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
BSI	3.76	8.9%	1,047	33.1	2.6
DRH	3.31	2.1%	292	89.2	1.9
KHP	2.79	7.2%	836	18.2	1.3
DIG	2.79	13.1%	1,481	56.7	7.0
NHA	2.73	0.8%	85	735.4	6.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.34	9.9%	475	24.9	2.3
CEO	2.89	-4.7%	(606)	-	5.0
L18	2.82	4.5%	683	88.8	4.3
ART	2.75	0.1%	16	593.0	0.8
VC7	2.50	3.3%	281	75.0	1.9



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
